

※ Lưu ý bản dịch chỉ mang tính chất tham khảo khi đăng ký các vụ việc dân sự; đơn phải được điền bằng tiếng Hàn theo mẫu tiếng Hàn hiện có.

[Mẫu số 30]

※ 신청서 작성 시 아래의 작성 방법을 참고하고, 선택 항목에는 '영표(○)'로 표시하기 바랍니다.

※ Khi điền đơn, vui lòng tham khảo hướng dẫn điền ở bên dưới và khoanh tròn '(○)' vào các mục lựa chọn.

① 사건 본인	성명 Họ tên	한글 Chữ Hàn	(성) / (명) (Họ) / (Tên)	주민등록 번호 Số chứng minh thư Hàn	
		한자 Chữ Hán	(성) / (명) (Họ) / (Tên)		
	① Đương sự	등록기준지 Nguyên quản			
	주소 Địa chỉ				
②정정 사항 ②Nội dung điều chỉnh					
③허가 또는 재판 확정일자 ③Giấy phép hoặc ngày phiên tòa xét xử		년 월 일 Năm tháng ngày	법원명 Tên toà án		
④기타 사항 ④ Nội dung khác					
⑤ 신청인 ⑤ Người đăng ký	성명 Họ tên	(서명 또는 날인) (Kí tên hoặc đóng dấu)		주민등록번호 Số chứng minh thư Hàn	-
	자격 Tur cách	(1) 본인 (2) 법정대리인 (3) 소 제기자 (4) 기타(자격 :) (1) Bản thân (2) Người đại diện theo pháp luật (3) Người khiếu nại (4) Khác (Tur cách:)			
	주소 Địa chỉ		전화 Điện thoại		이메일 Email
⑥제출인 ⑥Người nộp	성명 Họ tên		주민등록번호 Số chứng minh thư Hàn	-	

작성방법 Cách điền đơn

①란: ③, ④, ⑤항이 모두 동일한 사안에 대하여 사건본인이 수인인 경우에는 성명란에 “별지와 같음” 이라고 기재한 후 별지에 사건본인 전부 및 정정 사항을 기재하여야 합니다.

Mục ①: Nếu có nhiều hơn một đương sự mà Cột ③, ④, ⑤ đều đồng nhất, hãy ghi “giống như trong tờ đính kèm” vào cột họ tên, sau đó ghi tất cả các đương sự và nội dung điều chỉnh vào tờ đính kèm.

②란: 정정을 하고자 하는 사항을 기재하며 허가 또는 판결에 의한 경우 ‘주문’ 에 나타난 가족관계등록 정정 사항을 기재하되 기재할 사항이 많은 경우 “별지 첨부 허가결정 또는 판결주문과 같음” 이라고 기재합니다. 사건본인이 수인인 경우 별지의 각 정정 사항란에 기재합니다.

Mục ②: Điền các nội dung cần điều chỉnh và trong trường hợp được phép hoặc theo phán quyết, hãy ghi các nội dung điều chỉnh Đăng ký quan hệ gia đình trong 'Phán quyết cuối cùng' tuy nhiên, nếu nhiều nội dung cần điền, thì hãy ghi “giống như trong tờ đính kèm”. Nếu có nhiều hơn một đương sự, hãy ghi từng nội dung điều chỉnh tại tờ đính kèm.

④란: 가족관계등록부에 기록을 분명하게 하는 데에 특히 필요한 사항을 기재합니다.

Mục ④: Điền nội dung đặc biệt cần thiết để làm sáng tỏ ghi chép trong sổ đăng ký quan hệ gia đình.

⑤란: 신청인이 외국인인 경우에는 외국인등록번호(국내거소신고번호 또는 출생연월일)를 기재합니다.

Mục ⑤: Nếu người đăng ký là người nước ngoài, điền số đăng ký người nước ngoài (số đăng ký nơi cư trú tại Hàn Quốc hoặc năm, tháng, ngày sinh).

⑥란: 제출인(신청인이 작성한 신청서를 신청인이 아닌 사람이 제출할 경우만 기재)의 성명 및 주민등록번호를 기재합니다[접수담당공무원은 신분증과 대조하여야 함].

Mục ⑥: Điền họ tên và số chứng minh thư Hàn của người nộp đơn (chỉ điền nếu người nộp đơn đăng ký không phải người đăng ký) [Cán bộ phụ trách tiếp nhận phải kiểm tra bằng giấy tờ tùy thân].

첨부서류 Hồ sơ đính kèm

1. 등록부정정허가결정등본 1부(확정판결로 인하여 가족관계등록부의 정정을 할 때는 판결등본 및 확정증명서 각 1부).

1. Bản sao công chứng quyết định cho phép điều chỉnh Sổ đăng ký (trường hợp điều chỉnh Sổ đăng ký quan hệ gia đình do phán quyết cuối cùng thì cần 1 bản sao chứng thực Bản án và 1 bản Chứng nhận phê duyệt).

2. 신분확인[가족관계등록예규 제600호에 의함]

2. Xác minh nhân thân [theo điểm 600 Quy định Đăng ký quan hệ gia đình]

- 신청인이 출석한 경우: 신분증명서

- Trường hợp người đăng ký có mặt: Giấy tờ tùy thân

- 제출인이 출석한 경우: 제출인의 신분증명서

- Trường hợp người nộp đơn có mặt: Giấy tờ tùy thân của người nộp đơn

- 우편으로 제출할 경우: 신청인의 신분증명서 사본

- Trường hợp nộp bằng đường bưu điện: Bản sao Giấy tờ tùy thân của người đăng ký

※ 신청인이 성년후견인인 경우에는 2항의 서류 외에 성년후견인의 자격을 증명하는 서면도 함께 첨부해야 합니다.

※ Trường hợp người đăng ký là người giám hộ người trưởng thành, ngoài tài liệu ở mục 2, phải đính kèm tài liệu chứng minh tư cách của người giám hộ người trưởng thành.

※ 타인의 서명 또는 인장을 도용하여 허위의 신고서를 제출하거나, 허위신고를 하여 가족관계등록부에 부실의 사실을 기록하게 하는 경우에는 형법에 의하여 5년 이하의 징역 또는 1천만 원 이하의 벌금에 처해집니다.

※ Trường hợp giả mạo chữ ký hoặc dùng trộm con dấu của người khác để nộp đơn đăng ký giả hoặc khai báo gian dối và ghi thông tin sai lệch vào sổ đăng ký quan hệ gia đình, sẽ bị phạt tù tối đa 5 năm hoặc phạt tiền tối đa 10 triệu won theo “Luật Hình sự”.

<별지>
<Đính kèm>

사건 본인 Đương sự	성명 Họ tên	한글 Chữ Hàn	(성) / (명) (Họ) / (Tên)	주민등록 번호 Số chứng minh thư Hàn	-
		한자 Chữ Hán	(성) / (명) (Họ) / (Tên)		
	등록기준지 Nguyên quán				
	주소 Địa chỉ				
	정정 사항 Nội dung điều chỉnh				
사건 본인 Đương sự	성명 Họ tên	한글 Chữ Hàn	(성) / (명) (Họ) / (Tên)	주민등록 번호 Số chứng minh thư Hàn	-
		한자 Chữ Hán	(성) / (명) (Họ) / (Tên)		
	등록기준지 Nguyên quán				
	주소 Địa chỉ				
	정정 사항 Nội dung điều chỉnh				
사건 본인 Đương sự	성명 Họ tên	한글 Chữ Hàn	(성) / (명) (Họ) / (Tên)	주민등록 번호 Số chứng minh thư Hàn	-
		한자 Chữ Hán	(성) / (명) (Họ) / (Tên)		
	등록기준지 Nguyên quán				
	주소 Địa chỉ				
	정정 사항 Nội dung điều chỉnh				

사건 본인 Đương sự	성명 Họ tên	한글 Chữ Hàn	(성) / (명) (Họ) / (Tên)	주민등록 번호 Số chứng minh thư Hàn	-
		한자 Chữ Hán	(성) / (명) (Họ) / (Tên)		
	등록기준지 Nguyên quán				
	주소 Địa chỉ				
	정정 사항 Nội dung điều chỉnh				
사건 본인 Đương sự	성명 Họ tên	한글 Chữ Hàn	(성) / (명) (Họ) / (Tên)	주민등록 번호 Số chứng minh thư Hàn	-
		한자 Chữ Hán	(성) / (명) (Họ) / (Tên)		
	등록기준지 Nguyên quán				
	주소 Địa chỉ				
	정정 사항 Nội dung điều chỉnh				